



VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV
TỔ BIÊN TẬP

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

**Một số vấn đề mới, quan trọng
trong Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là sự kiện chính trị trọng đại, có ý nghĩa quyết định đối với tương lai phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới. Trong bối cảnh thế giới đang có những thay đổi nhanh chóng, sâu sắc, khó lường; trong nước đang triển khai mạnh mẽ các quyết sách chiến lược rất quan trọng, các văn kiện trình Đại hội XIV không chỉ tổng kết chặng đường phát triển 5 năm qua, xác định mục tiêu, nhiệm vụ trong 5 năm tới mà còn định hình tư duy chiến lược, tầm nhìn và định hướng phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI. Các Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV với kết cấu, nội dung có nhiều đổi mới đã thể hiện tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá khách quan tình hình, trên cơ sở đó đề ra hệ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu phát triển đất nước, các định hướng, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp đột phá để phát triển nhanh và bền vững đất nước, thể hiện khát vọng vươn mình mạnh mẽ của cả dân tộc trong kỷ nguyên mới.

Báo cáo này được xây dựng nhằm tập trung nêu bật các vấn đề mới, quan trọng trong các Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng. Qua đó, giúp cán bộ, đảng viên và Nhân dân nghiên cứu, hiểu đúng tinh thần Dự thảo Văn kiện, đóng góp hiệu quả vào quá trình thảo luận, hoàn thiện các văn kiện, đồng thời lan toả tinh thần đổi mới, khát vọng phát triển và quyết tâm xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

I- ĐIỂM MỚI VỀ CHỦ ĐỀ, KẾT CẤU CỦA DỰ THẢO VĂN KIẾN

1. Về chủ đề Đại hội

Chủ đề của Đại hội lần thứ XIV của Đảng là: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.*

Việc xác định chủ đề Đại hội nêu trên thể hiện sự thống nhất tư tưởng và hành động, củng cố niềm tin, khẳng định bản lĩnh, trí tuệ của Đảng và sức mạnh của toàn dân tộc, tiếp tục khơi dậy khát vọng xây dựng và phát triển đất nước hùng cường, thịnh vượng, sánh vai với các cường quốc năm châu trong kỷ nguyên mới. Việc xác định chủ đề Đại hội dựa trên một số căn cứ, yêu cầu chủ yếu như sau:

(1) Chủ đề Đại hội phải thể hiện được vị trí, vai trò Đại hội XIV của Đảng có ý nghĩa bước ngoặt, là dấu mốc đặc biệt quan trọng trên con đường phát triển đất nước. Đại hội diễn ra vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang nỗ lực thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chủ trương, đường lối, nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; gắn với tổng kết 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, đánh giá tổng quát tiến trình đổi mới, quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ 5 năm, 10 năm tới và tầm nhìn đến năm 2045. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó dự báo; đất nước đứng trước nhiều thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức rất lớn và nhiều vấn đề mới đặt ra cần phải giải quyết; cán bộ, đảng viên và Nhân dân đặt kỳ vọng vào Đại hội XIV với những quyết sách đúng đắn, mạnh mẽ của Đảng để đưa đất nước tiến mạnh trong kỷ nguyên mới.

(2) Chủ đề Đại hội phải là thông điệp thể hiện sự hiệu triệu, cổ vũ, động viên, định hướng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, sâu rộng công cuộc đổi mới, tận dụng mọi thời cơ, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam; thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 khi Đảng ta tròn 100 năm thành lập (1930 - 2030); hướng tới hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945 - 2045).

(3) Chủ đề Đại hội phải ngắn gọn, thể hiện được mục tiêu tổng quát, những nội dung tư tưởng cốt lõi, xuyên suốt, rõ các thành tố quan trọng nhất, bao gồm: Sự lãnh đạo của Đảng; vai trò của Nhân dân và sức mạnh toàn dân tộc; về công cuộc tiếp tục đổi mới và mục tiêu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; kế thừa, phát triển chủ đề trong các kỳ Đại hội trước đó, đặc biệt là Đại hội XIII của Đảng.

2. Về kết cấu Báo cáo chính trị

So với các kỳ Đại hội gần đây, điểm mới của Báo cáo chính trị lần này là sự tích hợp nội dung 3 văn kiện, gồm: Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế - xã hội, Báo cáo tổng kết xây dựng Đảng. Việc tích hợp này thể hiện tinh thần tiếp tục đổi mới về cách xây dựng văn kiện, xuất phát từ thực tiễn mới của đất nước, sự phát triển nhận thức lý luận và tổ chức thực hiện của Đảng, bảo đảm sự nhất quán về nội dung; ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện.

Về kết cấu và cách trình bày của Báo cáo chính trị có sự kế thừa và phát triển, cụ thể:

- Báo cáo chính trị Đại hội XIV tiếp thu kết cấu và cách trình bày nội dung văn kiện theo vấn đề như các đại hội gần đây với 15 vấn đề. Kết cấu và tên của các vấn đề được sắp xếp, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển, phản ánh đúng thực tiễn và định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước của nhiệm kỳ Đại hội XIV của Đảng và tầm nhìn đến năm 2045, thể hiện rõ các thông điệp mang tính cách mạng, hành động, tính khả thi cao; toàn diện nhưng rõ trọng tâm, trọng điểm.

- Điểm mới về nội dung tổng thể, xuyên suốt trong Báo cáo là nhấn mạnh các quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương thức phát triển, các nguồn lực, động lực phát triển mới, bao gồm: (1) Xác lập mô hình tăng trưởng mới lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là động lực chính; xác định đây là nội dung trung tâm của mô hình phát triển đất nước; phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và khai thác hiệu quả lợi thế của hội nhập quốc tế sâu rộng. (2) Khẳng định vai trò then chốt của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, chống chủ nghĩa cá nhân, lợi ích nhóm, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tăng cường kiểm soát quyền lực; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; nâng cao năng lực quản trị phát triển quốc gia và điều hành hoạt động của tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị, tạo nền tảng giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, cũng như bảo đảm đồng thuận, đồng bộ, thống nhất trong hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược phát triển đất nước.

- Điểm mới nổi bật nhất là về cách thức thiết kế Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIV ở chỗ lần đầu tiên xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV là bộ phận

cấu thành của Dự thảo Báo cáo. Chương trình hành động chỉ rõ các chương trình, đề án, dự án cụ thể thực hiện trong nhiệm kỳ 5 năm, phân công trách nhiệm cụ thể của các cấp uỷ đảng từ Trung ương đến địa phương, chỉ rõ tiến độ, nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện, làm căn cứ để các cấp, các ngành thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Chủ trương này nhằm khắc phục tình trạng sau Đại hội toàn quốc phải chờ đợi cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội (thường là khoảng nửa đầu của nhiệm kỳ); đề cao tính hành động, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng ngay trước thềm Đại hội; chủ động rà soát, sửa đổi, tháo gỡ ngay các điểm nghẽn, khắc phục những hạn chế, bất cập, mâu thuẫn; bám sát mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược để tổ chức thực hiện ngay sau Đại hội.

II- MỘT SỐ VẤN ĐỀ MỚI, QUAN TRỌNG CỦA DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

1. Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIV đánh dấu một bước nhảy vọt về tư duy phát triển khi chất lọc, cập nhật các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, các quyết sách chiến lược đột phá trong các nghị quyết của Bộ Chính trị được ban hành từ cuối năm 2024 đến nay, những nghị quyết mang tính chất "đòn bẩy" để vận hành thực hiện ngay trước và sau Đại hội

Trên cơ sở dự thảo Văn kiện Đại hội XIV, Bộ Chính trị đã chỉ đạo ban hành các nghị quyết mới là các quyết sách chiến lược quan trọng làm cơ sở, động lực, đột phá cho sự phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và được tiếp tục chất lọc, cập nhật, phát triển trong Dự thảo Báo cáo chính trị đề:

(1) Thể chế hoá các chủ trương, chính sách chỉ đạo của Đảng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng nền tảng pháp lý và khung thể chế, tạo hành lang minh bạch cho mọi quyết sách. (2) Tiếp tục chủ động, tích cực, đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng không chỉ nâng cao vị thế đối ngoại mà còn huy động nguồn lực toàn cầu, bảo vệ lợi ích quốc gia và mở rộng thị trường cho đổi mới sáng tạo. (3) Kích hoạt chiến lược đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia là động lực chính, hình thành các chuỗi giá trị mới gắn liền với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển trí tuệ nhân tạo. (4) Xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, thúc đẩy khởi nghiệp và phát triển mạnh mẽ

các loại hình kinh tế tư nhân, khai thác hiệu quả vốn, đất đai và công nghệ, tạo sức bật đa chiều cho tăng trưởng năng động, linh hoạt và bền vững. (5) Tiếp tục thực hiện chủ trương chuyển đổi năng lượng quốc gia hướng tới cân bằng giữa nguồn năng lượng truyền thống và tái tạo; triển khai lưới điện thông minh, bảo đảm an ninh năng lượng phục vụ phát triển trong bối cảnh mới. (6) Tập trung chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực với trọng tâm là phát triển hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, mở và hội nhập với các chủ trương, chính sách ưu tiên, đặc thù để đổi mới mạnh mẽ nền giáo dục quốc dân; gắn kết và đẩy mạnh nghiên cứu, đào tạo với phát triển thị trường lao động trong nước, quốc tế để đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhanh yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. (7) Thực hiện chủ trương, chính sách chăm sóc sức khoẻ toàn dân và nâng cao đời sống, hạnh phúc của Nhân dân, trọng tâm bảo đảm mạng lưới y tế cơ sở vững chắc, y tế dự phòng chủ động và ứng dụng công nghệ số trong quản lý y tế, để mỗi công dân đều được hưởng dịch vụ y tế chất lượng cao.

Sự kết nối logic từ khung thể chế đến động lực kinh tế, công nghệ, quản trị hiện đại và phát triển con người đã tạo nên một hệ sinh thái phát triển nhanh, bền vững, không chỉ vạch rõ lộ trình mà còn huy động sức mạnh tổng hợp toàn xã hội, hiện thực hoá khát vọng phát triển đất nước đến năm 2045.

2. Đã đánh giá rõ kết quả thực hiện, bài học về tổ chức thực hiện, khắc phục được điểm yếu cố hữu của nhiều nhiệm kỳ là "tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu"

Việc tổng kết nhiệm kỳ Đại hội lần này đã chỉ rõ và khái quát toàn diện những kết quả quan trọng, nổi bật đạt được, đặc biệt là các đột phá chiến lược ở cuối nhiệm kỳ. Nổi bật nhất là việc sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp - một quyết định lịch sử, cách mạng, giúp tinh gọn đầu mối, rõ trách nhiệm, mở rộng không gian phát triển, tăng cường hiệu lực quản trị, điều hành từ tỉnh đến cơ sở.

Quá trình thực hiện cho thấy rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Đảng, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị gắn với đôn đốc, kiểm tra, giám sát thường xuyên có ý nghĩa quyết định, đặc biệt là cần phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả và có cơ chế giám sát thường xuyên. Nhờ đó, tâm lý "thành tích hình thức" bị đẩy lùi, thay vào đó là tinh thần hướng mạnh về kết quả thực chất, vừa "chạy" vừa "xếp hàng" đúng tiến độ và có hiệu quả.

Bài học kinh nghiệm quan trọng rút ra về tổ chức thực hiện là: Phải quán triệt nguyên tắc "tập trung, công khai, trách nhiệm" ngay từ giai đoạn xây dựng đề án; đồng thời kết hợp linh hoạt, khéo léo giữa xử lý kỷ luật và khuyến khích sáng tạo. Cơ chế kiểm tra, đánh giá liên tục đã góp phần khắc phục thực chất điểm yếu cố hữu là "tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu".

Những kinh nghiệm ấy không chỉ củng cố niềm tin vào khả năng đổi mới mạnh mẽ của hệ thống chính trị, mà còn đặt nền móng vững chắc cho những bước phát triển mới của nhiệm kỳ tới.

3. Bổ sung "Lý luận về đường lối đổi mới" là một bộ phận cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng

Quan điểm chỉ đạo thứ nhất trong Dự thảo Báo cáo chính trị viết: "Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới". Với quan điểm này, lần đầu tiên Đảng ta xác định "lý luận về đường lối đổi mới" là bộ phận cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng.

Việc bổ sung "lý luận về đường lối đổi mới" vào nền tảng tư tưởng của Đảng là một bước phát triển có ý nghĩa lịch sử, thể hiện sự trưởng thành về tư duy lý luận, năng lực tổng kết thực tiễn và bản lĩnh tự đổi mới của Đảng; cho thấy Đảng không giáo điều, không rập khuôn, mà luôn biết kế thừa, bổ sung và phát triển sáng tạo, gắn lý luận với thực tiễn, làm giàu thêm kho tàng lý luận - tư tưởng của cách mạng Việt Nam. Lý luận về đường lối đổi mới là sự vận dụng và phát triển sáng tạo, cụ thể hoá các nguyên tắc, các nguyên lý phổ quát của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn 40 năm đổi mới ở Việt Nam, thể hiện sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, sự đột phá lý luận cơ bản của Đảng ta về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Lý luận về đường lối đổi mới là tổng thể các quan điểm, tầm nhìn, định hướng phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Nhân dân là trung tâm, là chủ thể; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; xác lập mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam với 3 trụ cột nền tảng: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng thành công một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Theo đó, lý luận về đường lối đổi mới trở thành một bộ phận cấu thành của nền tảng tư tưởng, tiếp tục dẫn dắt đất nước phát triển trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Việc bổ sung "lý luận về đường lối đổi mới" vào nền tảng tư tưởng của Đảng còn là minh chứng cho thấy sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, đồng thời khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện, sáng suốt của Đảng kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, đồng thời mở ra khả năng phát triển năng động, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn đất nước và xu thế thời đại; là ngọn đuốc soi đường tiếp tục dẫn dắt chúng ta thực hiện thành công khát vọng, tầm nhìn và các định hướng chiến lược, lập nên những kỳ tích phát triển mới trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

4. Bổ sung "bảo vệ môi trường" cùng với phát triển kinh tế, xã hội là nhiệm vụ "trung tâm"

Quan điểm chỉ đạo thứ hai trong Dự thảo Báo cáo chính trị viết: "Phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm...", như vậy Trung ương thống nhất bổ sung "bảo vệ môi trường" cùng với phát triển kinh tế, xã hội là nhiệm vụ "trung tâm".

Việc bổ sung "bảo vệ môi trường" cùng với phát triển kinh tế, xã hội là nhiệm vụ trung tâm trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV đánh dấu một bước phát triển nhận thức sâu sắc và vững chắc về phát triển bền vững dựa trên 3 trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường. Đây không còn là lời khẳng định hình thức mà là cam kết chiến lược, đặt sinh thái môi trường làm thước đo trong mỗi chính sách phát triển.

Trong Cương lĩnh 1991 và các Nghị quyết Đại hội VII, VIII,... XIII, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững được đề cập mới chỉ ở nguyên tắc, còn ưu tiên nguồn lực vẫn tập trung vào thúc đẩy phát triển kinh tế. Môi trường thường chỉ được xem là hệ quả cần khắc phục sau khi thúc đẩy kinh tế, chưa được xác định là nhiệm vụ trung tâm trong mỗi bước đi, trong từng chính sách phát triển. Điểm mới căn bản ở đây là đã xác định bảo vệ môi trường là trụ cột để xác lập mô hình tăng trưởng mới. Điều này đồng nghĩa với việc không đánh đổi lợi ích ngắn hạn để bảo đảm lợi ích dài hạn cho quốc gia và các thế hệ tương lai.

Trên bình diện quốc tế, Việt Nam đã cam kết phát triển kinh tế xanh và cam kết trung hoà các-bon vào năm 2050, đang tạo ra áp lực đồng thời cũng là cơ hội mới cho phát triển nhanh, bền vững đất nước. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV đã thể hiện Việt Nam không chỉ thực thi các hiệp định, mà còn thu hút vốn xanh, tín chỉ các-bon và công nghệ sạch; thông qua chuyển đổi năng lượng, phát triển kinh tế tuần hoàn và đẩy mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Việc áp dụng cơ chế định giá chi phí môi trường, "thuế sinh

thái", tín chỉ các-bon và khung pháp lý chặt chẽ sẽ tạo đòn bẩy mạnh mẽ cho doanh nghiệp đầu tư xanh, đồng thời bảo đảm cạnh tranh công bằng giữa các thành phần kinh tế; khẳng định vai trò tiên phong, trách nhiệm của ta trước cộng đồng thế giới.

Về thể chế, Nhà nước đã và đang hoàn thiện pháp luật về môi trường, tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm vi phạm. Cơ chế phân cấp mạnh mẽ giúp chính quyền địa phương chủ động khai thác tài nguyên bền vững, kết hợp huy động tài chính xanh qua trái phiếu, quỹ bảo vệ môi trường và hợp tác công - tư. Doanh nghiệp xanh được hỗ trợ thuế, tín dụng ưu đãi và chuyển giao công nghệ để giảm chi phí. Hệ thống giám sát thông minh, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo sẽ hỗ trợ dự báo rủi ro, tối ưu hoá sử dụng tài nguyên. Kinh tế tuần hoàn thúc đẩy tái chế, giảm phát thải và gia tăng giá trị sản xuất... Thách thức lớn nhất cần vượt qua chính là việc loại bỏ tư duy phát triển ngắn hạn, phá vỡ rào cản tâm lý, tạo tiền đề cho hành động lâu dài. Nhấn mạnh vai trò của chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn trong bảo vệ môi trường, đào tạo nhân lực xanh, thúc đẩy hợp tác giữa viện nghiên cứu và doanh nghiệp, cùng chiến lược truyền thông chính sách mạnh mẽ để nâng cao nhận thức cộng đồng. Sự đồng thuận xã hội và cam kết chính trị quyết liệt sẽ là chìa khoá mở ra hướng phát triển đột phá cho Việt Nam trong phát triển nhanh và bền vững đất nước.

5. Bổ sung "đối ngoại, hội nhập quốc tế" cùng với quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ "trọng yếu, thường xuyên"

Quan điểm chỉ đạo thứ hai trong Dự thảo Báo cáo chính trị viết "... tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên". Việc Trung ương lần đầu tiên xác định "đối ngoại, hội nhập quốc tế" đặt ngang hàng với quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên đã mở ra một khung chiến lược toàn diện hơn cho công tác bảo vệ Tổ quốc, đánh dấu sự đổi mới về tầm nhìn chiến lược của Đảng trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cạnh tranh địa chính trị, kinh tế toàn cầu ngày càng gay gắt.

Từ Cương lĩnh 1991 đến Đại hội XIII, đối ngoại luôn được nhắc đến như một trong những nhiệm vụ quan trọng, nhưng chưa được xác định thành nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

Dự thảo lần này cho thấy rõ đối ngoại là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị chứ không phải nhiệm vụ riêng của ngành đối ngoại, trong đó ngoại giao là nòng cốt. Điều quan trọng hơn đây là vấn đề kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; là nguồn lực bên trong quyết định với nguồn lực bên ngoài là

quan trọng; là vấn đề đối tác, đối tượng.v.v. Mặt khác, trong nhiệm kỳ qua đối ngoại là lĩnh vực rất thành công của ta trong bối cảnh thế giới thay đổi nhanh, phức tạp, khó dự báo.

Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh: Mặc dù hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song tình hình thế giới diễn biến rất nhanh, phức tạp, tác động đa chiều đến môi trường an ninh, phát triển của nước ta. Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ đối ngoại không còn là nhất thời mà phải liên tục, theo dõi và điều phối chính sách theo từng diễn biến mới.

Việc xác lập đối ngoại, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên cho phép nâng cao vai trò của Bộ Ngoại giao, các cơ quan làm công tác đối ngoại và hệ thống ngoại vụ cấp tỉnh. Cơ chế "ba trụ cột" Quốc phòng - An ninh - Đối ngoại sẽ thúc đẩy hợp tác liên ngành, tăng cường cán bộ chuyên trách, xây dựng đội ngũ chuyên gia ngoại giao kinh tế, văn hoá, công nghệ, kỹ thuật... nhằm chủ động khai thác cơ hội, ứng phó kịp thời, hiệu quả với các thách thức.

Quan điểm chỉ đạo này là cơ sở để tạo lập các phương thức ngoại giao, như: "ngoại giao kinh tế", "ngoại giao văn hoá", "đối ngoại quốc phòng, an ninh" "ngoại giao công nghệ"... để thu hút vốn, công nghệ, nguồn lực quốc tế và gia tăng sức mạnh mềm quốc gia. Mạng lưới ngoại giao sẽ được số hoá, tận dụng dữ liệu lớn để phân tích, dự báo, mở rộng quan hệ với các tổ chức đa phương, khối kinh tế, đồng thời phát huy vai trò các địa phương trong thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, quảng bá hình ảnh quốc gia.

Tóm lại, việc bổ sung đối ngoại, hội nhập quốc tế vào nhóm nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên không chỉ thay đổi tư duy mà là đòn bẩy chiến lược, đưa đối ngoại, hội nhập quốc tế trở thành công cụ cốt lõi của an ninh quốc gia và phát triển bền vững. Sự đổi mới này khẳng định Việt Nam quyết tâm chủ động, linh hoạt và toàn diện trong vận dụng sức mạnh mềm, nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

6. Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước

Chủ trương tiếp tục xây dựng và hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, trong đó "thể chế chính trị là then chốt, thể chế kinh tế là trọng tâm, các thể chế khác là rất quan trọng", là sự kế thừa, phát triển tư duy về đổi mới thể chế đã được đề cập qua một số nhiệm kỳ đại hội gần đây. Tuy nhiên, sự khác biệt quan trọng nằm ở ba khía cạnh: Tính tổng thể, tính

ưu tiên phân tầng và tính minh bạch, pháp quyền, quản trị hiệu quả để tạo nền tảng cho việc xây dựng hệ sinh thái thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Thể chế phát triển là tập hợp các quy định, quy tắc, quy trình, cơ quan, văn bản pháp luật, cơ chế thực thi và văn hoá quản trị tương tác với nhau nhằm tạo ra môi trường vận hành thuận lợi, thông suốt, an toàn, hiệu quả. Khác với cách nhìn rời rạc về từng chiều cạnh, văn bản hay luật riêng lẻ, khái niệm thể chế phát triển nhấn mạnh tính kết nối, phụ thuộc lẫn nhau và hiệu ứng lan toả giữa các trụ cột thể chế khác nhau.

Thứ nhất, tính tổng thể thể hiện ở quan điểm coi hoàn thiện thể chế không chỉ là sửa đổi luật pháp rời rạc mà là xây dựng đồng bộ các trụ cột: Chính trị, kinh tế, pháp luật, hành chính, xã hội, khoa học - công nghệ và thể chế bảo đảm quyền con người. Khi xem thể chế chính trị là then chốt là đặc biệt nhấn mạnh nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo và đổi mới phương thức tổ chức, hoạt động, cơ chế ra quyết định, kiểm soát quyền lực và bảo đảm ổn định chính trị của Đảng, để tạo điều kiện cho đổi mới các thể chế khác. Đây không chỉ là giải pháp kỹ thuật mà là đổi mới tư duy lãnh đạo của Đảng theo hướng hiện đại, minh bạch, khả năng thích ứng, tính thực chất và hiệu quả cao.

Thứ hai, việc xem thể chế kinh tế là trọng tâm phản ánh nhận thức sâu sắc rằng chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế phụ thuộc trực tiếp vào vận hành cơ chế thị trường, cơ chế huy động và phân bổ nguồn lực, môi trường kinh doanh và chính sách vĩ mô bền vững. Là trọng tâm không có nghĩa là các thể chế khác bị xem nhẹ; ngược lại, nó yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa thể chế kinh tế với các thể chế, cơ chế pháp lý, về quản lý tài nguyên, an sinh xã hội để phát triển nhanh, bền vững.

Thứ ba, sự nhấn mạnh "các thể chế khác là rất quan trọng" cho thấy sự đổi mới thể chế về giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường... và quản trị các lĩnh vực khác đều góp phần quyết định sức mạnh, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh phát triển trong dài hạn. Cách tiếp cận này là đột phá so với tư duy phát triển biệt lập, vì nó buộc phải giải quyết các điểm nghẽn, nút thắt thể chế theo quan điểm liên ngành, thay cho những can thiệp cục bộ dễ dẫn đến các hệ quả không mong muốn.

Thứ tư, chủ trương đổi mới thể chế đều gắn liền với yêu cầu hành động quyết liệt: Chuẩn hoá quy trình, minh bạch hoá thông tin, phân công trách nhiệm rõ ràng và cơ chế giám sát, đánh giá kết quả. Đột phá này còn nằm ở việc

thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số vào quản trị, tạo động lực cho phát triển cả khu vực công và tư.

Thứ năm, chủ trương trên là sự tiếp nối, nâng tầm của đường lối đổi mới mang tính đột phá về phương thức tổ chức thực hiện, tùy thuộc rất lớn vào năng lực thể chế hoá thành văn bản pháp lý, tổ chức thực thi, cơ chế kiểm soát và sự đồng thuận xã hội để hiện thực hoá thành công mục tiêu phát triển nhanh, bền vững đất nước.

7. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính để đạt mục tiêu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên

Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIV đã đề ra mục tiêu "phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên". Đồng thời cũng chỉ rõ: "Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính".

Việc xác lập mô hình tăng trưởng mới giai đoạn 2026 - 2030 với mục tiêu GDP bình quân 10%/năm không chỉ là khát vọng mà còn là thách thức để hoán chuyển thành cơ hội phát triển. Để hiện thực hoá mục tiêu tăng trưởng hai con số, các động cơ tăng trưởng: Đất đai, tài nguyên, lao động, xuất khẩu, thị trường trong nước, đầu tư... và năng suất tổng hợp (TFP) phải được huy động đồng bộ dưới khung đổi mới sáng tạo, công nghiệp hoá, hiện đại hoá và chuyển đổi số. Điểm mới so với các giai đoạn trước là trên nền tảng phát triển hiện nay, nhất là cuối nhiệm kỳ Đại hội XIII, đất nước có đủ dư địa để dự kiến đạt tốc độ tăng trưởng hai con số trong nhiệm kỳ tới.

Muốn vậy, đòi hỏi phải làm tốt những yêu cầu sau:

Thứ nhất, tỉ lệ đầu tư trên GDP cần vượt ngưỡng 40%. Trước đây, Việt Nam duy trì mức đầu tư khoảng 30 - 35% GDP, chủ yếu tập trung vào các động lực truyền thống. Mô hình mới đòi hỏi nâng cao quy mô đầu tư hiệu quả, mở rộng kênh tài chính xanh, trái phiếu công nghệ và quỹ mạo hiểm đổi mới sáng tạo. Song, hệ số sử dụng vốn (ICOR) phải duy trì ở mức khoảng 4,5 - nghĩa là cần 4,5 đồng vốn đầu tư để tạo ra 1 đồng GDP tăng thêm. Để nâng cao hiệu quả

đầu tư, cần siết chặt lựa chọn dự án, áp dụng tự động hoá, số hoá quy trình sản xuất và quản trị dự án nghiêm ngặt...

Thứ hai, tăng trưởng lao động dự kiến đóng góp 0,7% mỗi năm do lực lượng lao động giảm chậm. Để đạt tốc độ GDP hai chữ số, năng suất lao động phải tăng 8,5%/năm. Đây là bước nhảy vọt so với mức 5 - 6% hiện nay. Để hiện thực hoá, cần đào tạo kỹ sư số, chuyên gia R&D và cán bộ quản lý dự án công nghệ cao; đồng thời xây dựng cơ chế liên kết đào tạo viện - trường - doanh nghiệp để thu hẹp khoảng cách kỹ năng.

Thứ ba, năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) phải đóng góp trên 5,6 điểm phần trăm trong cơ cấu tăng trưởng. TFP phản ánh hiệu quả sử dụng vốn và lao động cùng tác động của đổi mới sáng tạo. Để nâng TFP, Việt Nam phải xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư R&D, tăng cường liên kết chuỗi giá trị toàn cầu và bảo hộ sở hữu trí tuệ. Chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và Internet vạn vật phải trở thành công cụ hàng ngày trong quản trị doanh nghiệp và quy hoạch phát triển.

Thứ tư, cơ cấu lại nền kinh tế tập trung vào công nghiệp nền tảng, công nghiệp lõi, chiến lược, công nghiệp xanh, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ chất lượng và kinh tế số. Mỗi ngành, mỗi dự án phải đạt chuẩn phát thải thấp và quản trị thông minh ngay từ bước thiết kế. Khung chính sách gồm ưu đãi thuế R&D, tín dụng ưu đãi, quỹ đầu tư mạo hiểm và cải cách hành chính để rút ngắn thời gian cấp phép chính là "chất xúc tác" cho mô hình tăng trưởng mới.

Tóm lại, mục tiêu tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030 sẽ khả thi nếu đầu tư đủ mạnh, lao động đủ năng suất và TFP đủ cao, khai thác có hiệu quả thị trường trong và ngoài nước. Thành công phụ thuộc vào sự đồng bộ của chính sách, năng lực thể chế và quyết tâm đổi mới. Khi mô hình tăng trưởng mới vận hành thông suốt, Việt Nam không chỉ đạt tốc độ tăng trưởng hai con số mà còn tạo nền tảng bền vững cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

8. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội, khẳng định vai trò quyết định của thị trường trong huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển

Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIV nhấn mạnh việc định hình mối quan hệ hữu cơ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội, đồng thời khẳng định vai trò quyết định của thị trường trong huy động và phân bổ các nguồn lực cho phát triển. Đây không chỉ là yêu cầu mang tính lý luận mà còn là đòi hỏi thực tiễn cấp bách trong tiến trình hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội

chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự phối hợp hiệu quả giữa ba chủ thể Nhà nước, thị trường và xã hội sẽ nâng cao tính minh bạch, khách quan và khả năng kiểm soát rủi ro, góp phần tối ưu hoá kết quả phân bổ nguồn lực chung của nền kinh tế.

Thị trường có chức năng xác định giá cả, huy động và phân bổ các nguồn lực theo tín hiệu cung - cầu tự nhiên. Nhờ cơ chế cạnh tranh, thông tin trở nên minh bạch hơn, động lực khởi nghiệp được khơi dậy mạnh mẽ; từ đó nguồn lực xã hội tập trung vào những ngành, lĩnh vực có hiệu suất và hiệu quả cao. Khẳng định vai trò quyết định của thị trường đồng nghĩa với việc bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các chủ thể kinh tế, đồng thời giảm thiểu sự can thiệp hành chính trực tiếp vào cơ chế vận hành tự nhiên của giá cả, của thị trường, của lợi ích và rủi ro.

Nhà nước giữ vai trò kiến tạo và điều tiết hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển phù hợp với nguyên tắc và thực tiễn thị trường. Bảo đảm công tác xây dựng pháp luật, ban hành quy định cạnh tranh lành mạnh, kiểm soát độc quyền, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và cân bằng lợi ích giữa các nhóm xã hội phải được tiến hành thường xuyên, đồng bộ. Sự chủ động của Nhà nước không chỉ thể hiện ở việc ban hành chính sách đúng hướng mà còn ở khâu giám sát, đánh giá, sửa đổi kịp thời để khung khổ pháp lý luôn bám sát diễn biến của thị trường và đòi hỏi phát triển của xã hội.

Xã hội giữ vai trò giám sát, phản biện và hiến kế thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội ngành nghề, đội ngũ trí thức và truyền thông. Thông qua phản ánh trung thực nguyện vọng của Nhân dân, của doanh nghiệp và các tầng lớp xã hội, Nhà nước có cơ sở điều chỉnh chính sách, xác lập các ưu tiên phát triển và tăng cường minh bạch. Vai trò giám sát của xã hội không chỉ bảo đảm việc thực thi chính sách, kế hoạch một cách công bằng, hiệu quả mà còn thúc đẩy tinh thần trách nhiệm, tính sáng tạo và tính liên kết giữa các chủ thể kinh tế - xã hội.

Trải qua 40 năm đổi mới, những thành tựu toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá và xã hội đã khẳng định tính đúng đắn của đường lối đổi mới. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước đã được hình thành, vận hành và hoàn thiện qua từng giai đoạn phát triển. Việc bổ sung quan điểm về "giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội" trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV đánh dấu bước chuyển mới, mở ra kỷ nguyên quản trị kinh tế dựa trên nền tảng thị trường minh bạch, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ với trách nhiệm xã hội và định hướng phát triển bền vững.

9. Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế

Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIV khẳng định: Phát huy đầy đủ chức năng, vai trò của các khu vực kinh tế. Phát triển kinh tế nhà nước hiệu quả, thực sự giữ vững vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm các cân đối lớn, định hướng chiến lược, dẫn dắt và định hướng chiến lược; *phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế*; kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các loại hình kinh tế khác giữ vai trò quan trọng.

Như vậy, Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV khẳng định *phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế* là một điểm mới rất quan trọng. Đồng thời, Dự thảo nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát huy đầy đủ chức năng và vai trò của từng khu vực kinh tế, nhằm tạo nên bức tranh phát triển toàn diện, bền vững cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Sự phân công, phối hợp và bổ trợ giữa kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các loại hình kinh tế khác phải được tổ chức chặt chẽ, khoa học và linh hoạt để khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh riêng của mỗi thành phần kinh tế.

Ở nước ta, chủ trương đường lối về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân đã có chuyển biến lớn. (1) Đại hội VI "coi nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ". (2) Đại hội XII, Đảng ta đánh giá kinh tế tư nhân là một trong các động lực quan trọng của nền kinh tế. (3) Hội nghị Trung ương 5 khoá XII ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017, khẳng định kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. (4) Ngày 04/5/2025, Nghị quyết số 68 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân khẳng định: "... kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia...".

Việc đặt kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế là tiếp cận có tầm chiến lược trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cạnh tranh toàn cầu ngày càng khốc liệt. Sự phát triển nhanh chóng của các doanh nghiệp tư nhân đã chứng minh khả năng thích ứng nhanh, sáng tạo mạnh mẽ và linh hoạt trước biến động thị trường, trở thành nơi thu hút chủ yếu lao động xã hội, nguồn cung cấp đa dạng hàng hoá, dịch vụ và giải pháp công nghệ.

Tuy còn một số hạn chế, tồn tại, kinh tế tư nhân có khả năng huy động nguồn lực đa dạng từ trong nước và quốc tế, nhất là khi Nhà nước hoàn thiện cơ

chế tín dụng, chính sách thuế, đất đai, tạo điều kiện bình đẳng cho mọi doanh nghiệp. Quyền tự chủ trong phân bổ vốn, nhân lực và công nghệ giúp doanh nghiệp tư nhân tăng tốc đầu tư, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu suất. Từ đó, khu vực này đóng góp lớn vào tốc độ tăng trưởng GDP, đồng thời tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích đổi mới sáng tạo. Kinh tế tư nhân có khả năng sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đóng góp lớn vào tăng trưởng và tạo việc làm, thúc đẩy sáng tạo và nâng cao phúc lợi xã hội. Điều này phù hợp với lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin khi coi kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại và kinh tế tư nhân trong chủ nghĩa xã hội là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế.

Đồng thời, để kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp lý, giảm thiểu rào cản hành chính và bảo vệ quyền tài sản, quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh và cạnh tranh thị trường, quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời phát triển hệ thống các loại hình thị trường đa dạng và linh hoạt. Sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế tư nhân không chỉ mang lại lợi ích kinh tế, mà còn là trụ cột để xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao vai trò chủ động của Việt Nam trong cục diện chính trị thế giới, nền kinh tế quốc tế và nền văn minh toàn cầu.

10. Văn hoá, con người là nền tảng, nguồn lực, sức mạnh nội sinh và là động lực to lớn, hệ điều tiết sự phát triển xã hội bền vững

Đây là luận điểm rất cơ bản trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV, thể hiện sinh động nhận thức mới của Đảng về vai trò của văn hoá, con người trong xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Cơ sở để xác định văn hoá, con người là nền tảng, nguồn lực, sức mạnh nội sinh, động lực to lớn, hệ điều tiết sự phát triển xã hội bền vững, bao gồm:

Thứ nhất, vị trí, vai trò của văn hoá trong định hình tư duy, hành vi và các giá trị cốt lõi của phát triển con người. Văn hoá kết tinh sức mạnh của dân tộc, là hệ giá trị, chuẩn mực xã hội, là nơi lưu giữ tri thức, kinh nghiệm và những giá trị truyền thống qua nhiều thế hệ. Những giá trị này định hình cách con người tư duy, hành động, tương tác và giải quyết vấn đề. Văn hoá là nguồn lực nội sinh của sự phát triển, là động lực thúc đẩy sự phát triển từ nội tại. Những đặc trưng văn hoá như tinh thần hiếu học, cần cù, vượt khó, sáng tạo, đổi mới sẽ trực tiếp đóng góp vào sự phát triển kinh tế và xã hội.

Thứ hai, thực tiễn lịch sử đương đại đã chứng minh rõ ràng vai trò nền tảng của văn hoá trong sự phát triển của các quốc gia. Văn hoá trở thành nguồn lực tinh thần mạnh mẽ, giúp cộng đồng vượt qua mọi khó khăn, thử thách, xây dựng sự đoàn kết cộng đồng và xã hội. Văn hoá là động lực, nguồn lực trực tiếp cho tăng trưởng kinh tế, là sức mạnh mềm có vai trò khai mở các khả năng giao lưu, kết nối, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế. Văn hoá là hệ điều tiết các mối quan hệ xã hội. Văn hoá định hướng sự phát triển bền vững. Văn hoá là sức mạnh mềm quốc gia.

Thứ ba, thực tiễn qua 40 năm đổi mới đã chứng minh nổi bật về phát huy nguồn lực văn hoá, con người trong phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại..., đặc biệt trong nhiệm kỳ Đại hội XIII.

Thứ tư, từ tổng kết thực tiễn và lý luận qua 40 năm đổi mới cho thấy, văn hoá khơi dậy lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của con người Việt Nam. Việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc là cực kỳ quan trọng để khẳng định bản sắc, chống xâm lăng văn hoá, đồng thời tạo ra sự khác biệt và lợi thế cạnh tranh cho đất nước.

11. Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới

Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIV đề ra chủ trương xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại ngang tầm khu vực và thế giới là một yêu cầu mới, cấp thiết để phát triển đất nước, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững đất nước. Cơ sở để xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới, bao gồm:

Thứ nhất, yêu cầu phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới (xác lập mô hình tăng trưởng mới, nâng cao chất lượng tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước), đòi hỏi dứt khoát phải có nguồn lực con người mới - nguồn nhân lực chất lượng cao. Một nền giáo dục mở, hiện đại, hội nhập sẽ là bộ phận để đào tạo ra những thế hệ công dân có tri thức, kỹ năng và phẩm chất đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, từ thực trạng của nền giáo dục Việt Nam hiện nay, yêu cầu cấp thiết phải khắc phục ngay các yếu kém, lạc hậu, bất cập của nền giáo dục nước ta, một nền giáo dục không dựa trên chuẩn đầu ra, thiếu tính mở và khó bắt kịp với xu hướng chung của thế giới.

Thứ ba, xuất phát từ yêu cầu của đẩy mạnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá; sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; xu thế đổi mới, cải cách, phát triển giáo dục trên thế giới, quá trình hợp tác - hội nhập - cạnh tranh quốc tế về giáo dục. Một nền giáo dục hiện đại sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh cho Việt Nam. Các chương trình học tập tiên tiến, phương pháp giảng dạy đổi mới sẽ giúp học sinh, sinh viên Việt Nam đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, thu hút đầu tư và nguồn lực bên ngoài, thúc đẩy hợp tác về khoa học, công nghệ.

Thứ tư, kế thừa các luận điểm cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục; các lý thuyết hiện đại về phát triển bền vững; lý luận về kinh tế tri thức và xã hội học tập; lý luận về đổi mới sáng tạo và phát triển năng lực; chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về phát triển giáo dục và theo đó, một hệ thống giáo dục hiện đại ngang tầm khu vực và quốc tế sẽ cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghệ cao, nâng cao năng suất lao động, tạo ra giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cho nền kinh tế.

Thứ năm, tiếp thu tinh hoa của các quốc gia có nền giáo dục hiện đại thường tập trung vào các yếu tố, như: Công bằng, sáng tạo và phát triển toàn diện. Ví dụ, Phần Lan nổi tiếng với hệ thống giáo dục không áp lực thi cử, chú trọng vào sự bình đẳng và phát triển cá nhân. Nhật Bản đề cao đạo đức, tính tự lập và kỷ luật, giúp học sinh hình thành nhân cách. Các nước như Hoa Kỳ, Anh, Đức, Canada có nền giáo dục tiên tiến với sự đầu tư mạnh vào nghiên cứu, công nghệ và phương pháp giảng dạy hiện đại. Những quốc gia này thường có chương trình học linh hoạt, khuyến khích tư duy phản biện và sáng tạo.

12. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là chủ trương mới, quan trọng trong Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIV của Đảng, nhằm tận dụng tối đa những động lực phát triển không có trần giới hạn. Việc xác định ưu tiên này xuất phát từ tầm nhìn chiến lược đáp ứng yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khi công nghệ số và đổi mới sáng tạo trở thành yếu tố quyết định tốc độ và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Đảng khẳng định, chỉ có đột phá mạnh mẽ trong những lĩnh vực này mới giúp Việt Nam bứt phá khỏi giới hạn tăng trưởng truyền thống.

Các lý thuyết phát triển hiện đại như lý thuyết tăng trưởng kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo, lý thuyết xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức đều chỉ ra vai trò cốt lõi của khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong kích hoạt chuỗi giá trị mới. Tăng trưởng dựa trên đổi mới, tri thức và công nghệ sẽ tạo ra nguồn lực sản xuất vô tận khi nhanh chóng lan toả trong nền kinh tế. Trong khi đó, khái niệm xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức nhấn mạnh yếu tố dữ liệu, thông tin và năng lực phân tích số để nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Mô hình nền kinh tế số kết hợp giữa hạ tầng số, nền tảng dữ liệu và hệ sinh thái khởi nghiệp tạo sự phát triển mạnh mẽ cho quá trình đổi mới sáng tạo.

Việt Nam là quốc gia đi sau nhưng đang nắm bắt cơ hội để gia nhập hàng ngũ các nền kinh tế số phát triển. Bộ Chính trị khoá XII ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW với tiêu đề "Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư". Xác định rõ nhiệm vụ xây dựng hạ tầng số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hoàn thiện khung pháp lý cho công nghiệp 4.0. Đề cao vai trò của dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, chế tạo thông minh và kết nối chuỗi giá trị toàn cầu. Yêu cầu liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và cơ quan quản lý để thúc đẩy ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Đề ra cơ chế ưu đãi đầu tư R&D, bảo hộ sở hữu trí tuệ và bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Bộ Chính trị khoá XIII ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về "Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia". Nhấn mạnh khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực không có trần giới hạn cho tăng trưởng. Chính phủ đang rà soát, nâng mức đầu tư công cho R&D, ưu tiên công nghệ lõi như AI, Big Data, IoT, sinh học phân tử. Xây dựng hệ sinh thái kết nối mạnh mẽ giữa khởi nghiệp sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ cao, quỹ đầu tư mạo hiểm và trung tâm đổi mới sáng tạo. Hoàn thiện thể chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, cơ chế chia sẻ dữ liệu, cơ chế đánh giá, nghiệm thu sản phẩm khoa học công nghệ. Đề xuất lộ trình chuyển đổi số toàn bộ cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội trọng tâm từ năm 2025 - 2030, hướng tới Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Chính phủ, các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở đã và đang triển khai quyết liệt Đề án Chuyển đổi số quốc gia, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ, hướng tới mục tiêu đưa Việt Nam thành quốc gia số vào năm 2030. Tập trung đổi mới cơ chế đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực công nghệ tiên tiến, như: Trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật và công nghệ sinh học. Đẩy mạnh hình thành

các trung tâm sáng tạo, nâng cao khả năng kết nối giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo, đồng thời hoàn thiện khung pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Cơ chế khuyến khích hợp tác công - tư, liên kết quốc tế và đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư giúp tạo lập môi trường năng động cho hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng được xem là yếu tố nền tảng để chuyển đổi số thành công và bảo vệ lợi ích quốc gia trên không gian số.

Kết quả của đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thể hiện qua việc tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường. Việt Nam có thể gia tăng chỉ số GDP thêm 1 - 1,5 điểm phần trăm mỗi năm nhờ áp dụng hiệu quả khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Đồng thời, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trên trường quốc tế được củng cố thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và khả năng tự chủ trong chuỗi cung ứng. Những sản phẩm, dịch vụ mới định hình từ công nghệ cao và giải pháp số không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn tạo sức hút trên thị trường toàn cầu. Việc tham gia sâu vào chuỗi sản xuất quốc tế giúp doanh nghiệp Việt Nam học hỏi công nghệ, nâng cao tiêu chuẩn quản trị và mở rộng mạng lưới đối tác. Từ đó, vị thế của Việt Nam được nâng cao, trở thành mắt xích quan trọng trong mạng lưới sản xuất và giá trị toàn cầu.

13. Đẩy mạnh đột phá phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc trước mọi tình huống, nhất là chiến tranh công nghệ cao

Lần đầu tiên Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIV khẳng định phải "đột phá phát triển" thay vì chỉ "phát triển" hoặc "xây dựng" như trong các nghị quyết của Đảng trước đây về phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh. Điều này cho thấy quyết tâm chính trị rất cao, nhằm tạo bước nhảy vọt về phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Cùng với việc tiếp tục khẳng định tính "lưỡng dụng, hiện đại", Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIV bổ sung thêm các thành tố "tự chủ, tự lực, tự cường" trong phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Mặc dù chủ trương "tự lực, tự cường" trong phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh đã xuất hiện trong các văn kiện, Nghị quyết của Đảng trong thời kỳ đổi mới, nhưng Văn kiện Đại hội XIII cũng mới chỉ dừng ở phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng "lưỡng dụng, hiện đại"; tiếp đó, Luật

Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (tháng 6/2024) đã xác định "Tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, chủ động hội nhập quốc tế, trong đó nội lực là yếu tố quyết định".

Do đó, việc bổ sung đầy đủ 5 thành tố "tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại" này nhằm: (1) Phát huy nội lực, tự lực, tiến tới tự chủ chiến lược trong suốt quá trình từ nghiên cứu đến sản xuất và phát triển. (2) Khai thác tối đa tính lưỡng dụng của sản phẩm, giảm chi phí và nâng cao giá trị sử dụng. (3) Không ngừng đổi mới, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, bảo đảm chất lượng sản phẩm ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc trước mọi tình huống, nhất là chiến tranh công nghệ cao.

14. Phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hoá và vị thế của đất nước

Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIV của Đảng đặt ra yêu cầu "phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hoá và vị thế của đất nước" không chỉ là sự tiếp nối các quan điểm, chủ trương trước đây, mà còn thể hiện bước phát triển mới về tư duy, mục tiêu và cách tiếp cận đối ngoại.

Tư duy mới xác định đối ngoại không chỉ "chủ động, tích cực" như các Đại hội trước, mà còn nhấn mạnh yêu cầu phát triển "tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hoá và vị thế đất nước": (1) Đối ngoại không chỉ là công cụ bảo vệ chế độ hay tìm kiếm hợp tác kinh tế, mà còn là phương thức thể hiện bản lĩnh, bản sắc và tầm vóc Việt Nam trên trường quốc tế. (2) Nhấn mạnh yếu tố văn hoá, lịch sử gắn với lan toả "sức mạnh mềm", giá trị văn minh Việt Nam, tạo sự tôn trọng, tin cậy và tầm ảnh hưởng trong cộng đồng quốc tế. (3) Tầm nhìn này sâu rộng hơn cách tiếp cận thuần túy không chỉ vì "hoà bình, hợp tác, phát triển" như trước đây.

Đặt ra mục tiêu cao hơn vì vị thế của Việt Nam hiện nay đã khác. Đối ngoại trong kỷ nguyên mới phải: (1) Tạo dựng cục diện, môi trường thuận lợi cho đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình. (2) Đóng vai trò kiến tạo, động lực, mở ra các cơ hội mới cho đất nước phát triển. (3) Nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trong nền chính trị thế giới, kinh tế toàn cầu và văn minh nhân loại. Với thế và lực mới, Việt Nam chủ động tham gia đóng góp tích cực duy trì hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

Gắn chặt đối ngoại với phát triển đất nước. Lần đầu tiên nêu rõ yêu cầu đối ngoại phải tương xứng với tầm vóc phát triển đất nước, nghĩa là đối ngoại

không chỉ hỗ trợ kinh tế mà còn đi tiên phong trong các lĩnh vực công nghệ, tri thức, văn hoá. Chủ động xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với 3 trụ cột (Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân), vận hành như một "hệ sinh thái đối ngoại" thống nhất, đồng bộ. Kết nối chặt chẽ ngoại giao chính trị, kinh tế, văn hoá, quốc phòng, an ninh, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

So với các Văn kiện Đại hội thời kỳ đổi mới, Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIV yêu cầu cao hơn đối với công tác đối ngoại: Không chỉ "nâng tầm" mà phải "tương xứng với tầm vóc"; "không chỉ hội nhập sâu" mà còn "phát huy sức mạnh văn hoá, lịch sử, giá trị Việt Nam" để tăng ảnh hưởng quốc tế; không chỉ là đối ngoại "vì Việt Nam" mà còn "đóng góp cho hoà bình, phát triển chung của nhân loại".

15. Về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương, phát huy vai trò chủ động của địa phương

Việc tiến hành cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đồng thời đẩy mạnh phân cấp, phân quyền nhưng vẫn bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương và phát huy vai trò chủ động của địa phương chính là tư duy mới, tầm nhìn và là bước đột phá chiến lược để xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Đây không chỉ là yêu cầu cấp bách của công cuộc tiếp tục đổi mới, mà còn là minh chứng cho tầm nhìn phát triển và bản lĩnh lãnh đạo sáng suốt, khả năng tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn mới:

Thứ nhất, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là giải pháp sắp xếp lại hệ thống cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Đã thực hiện triệt để việc sắp xếp lại đầu mối, giảm cấp trung gian, thu gọn số lượng ban, ngành, đồng thời hợp nhất những đơn vị có chức năng gần nhau để xoá bỏ chồng chéo, trùng lặp, tiết kiệm nguồn lực, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức. Mô hình bộ máy gọn nhẹ, rút ngắn quy trình, giảm thiểu thủ tục hành chính, tạo môi trường làm việc năng động, kỷ cương và trách nhiệm hơn.

Thứ hai, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền là yếu tố then chốt để phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, miền. Việc trao quyền quyết định nhiều hơn

cho chính quyền địa phương trong các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư hạ tầng, quản lý tài nguyên và an sinh xã hội giúp đẩy nhanh tốc độ giải quyết công việc, phù hợp với điều kiện thực tế mới. Đồng thời, chính quyền cơ sở sẽ chủ động hơn trong tổ chức thực hiện, sáng tạo cách làm, kịp thời điều chỉnh phù hợp với đặc thù địa bàn, qua đó khơi dậy khát vọng và ý chí tự lực, tự cường của cơ sở, của cộng đồng dân cư.

Thứ ba, thực hiện phân cấp, phân quyền nhưng phải luôn bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương. Điều này yêu cầu xây dựng hệ thống quy chế, quy chuẩn, tiêu chí đánh giá rõ ràng, minh bạch, đồng bộ. Trung ương giữ vai trò định hướng chiến lược, ban hành pháp luật và cơ chế kiểm soát; địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thực thi và báo cáo kết quả. Cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động được thiết kế bài bản, với sự tham gia của nhiều bên liên quan, kể cả Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức xã hội, nhằm tăng cường tính công khai, trách nhiệm giải trình.

Thứ tư, cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, cùng với phân cấp, phân quyền, đã và đang tạo cú hích mạnh mẽ để tái cấu trúc thể chế, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền liêm chính, kiến tạo và phục vụ. Chính quyền địa phương không chỉ là "người thi hành" mà còn là "chủ thể sáng tạo" trong xây dựng và triển khai chính sách.

Thứ năm, thực hiện tốt đồng bộ ba trụ cột: Tinh gọn bộ máy; phân cấp, phân quyền và quản lý thống nhất sẽ giúp Nhà nước đổi mới toàn diện, nâng cao năng lực điều hành, củng cố niềm tin của Nhân dân. Các báo cáo kết quả gần đây đã khẳng định tính hiệu quả bước đầu của cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Sự tăng cường năng lực điều hành ở cơ sở cùng mô hình tổ chức gọn nhẹ đã giải phóng nguồn lực, mở rộng không gian phát triển, nâng cao tốc độ xử lý công việc và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Cuộc cách mạng này thôi thúc mỗi cấp uỷ, chính quyền và toàn thể cán bộ, công chức phải tiếp tục tự soi, tự sửa, tự hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu trong kỷ nguyên phát triển mới.

16. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, trọng tâm là cấp chiến lược và cấp cơ sở, nhất là người đứng đầu

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc", "muôn việc thành công hay thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém". Vì vậy, công tác cán bộ là "then chốt của then chốt", được đặt ở vị trí trung tâm trong xây

dựng Đảng. Điểm mới ở văn kiện lần này là sự đồng bộ trong xây dựng đội ngũ cán bộ ở cả hai cấp chiến lược và cơ sở, thay vì chỉ chú trọng riêng từng cấp như trước đây.

Ở cấp chiến lược, việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ cấp chiến lược được nâng lên thành nhiệm vụ trọng tâm. Đây là nhóm tinh hoa có tầm nhìn chiến lược, tham gia hoạch định đường lối chính sách, tham mưu chiến lược cho Đảng, Nhà nước, nên yêu cầu phải có tư duy, tầm nhìn, bản lĩnh, nắm vững tình hình thực tiễn trong, ngoài nước và khả năng nhận diện xu thế toàn cầu, đưa ra dự báo chính xác. Việc tập trung nguồn lực cho cán bộ cấp chiến lược giúp bảo đảm tính ổn định, xuyên suốt trong hoạch định chiến lược công tác cán bộ nói riêng, tầm nhìn, chiến lược phát triển đất nước nói chung.

Chủ trương đặt cấp cán bộ cơ sở vào trung tâm của công tác cán bộ là sự đột phá tư duy về cán bộ. Vì cán bộ cơ sở là mắt xích gần dân nhất, trực tiếp tổ chức thực thi chính sách, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân. Việc củng cố chất lượng cán bộ ngay từ cơ sở giúp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở, nơi thực thi mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đồng thời giúp phát hiện, lan toả những kinh nghiệm hay, đồng thời hạn chế tiêu cực, bắt cập ngay từ đầu, từ cơ sở.

Đặc biệt, chủ trương mới dành sự quan tâm cao nhất cho người đứng đầu ở mọi cấp. Vai trò của người chỉ đạo, điều hành được nhấn mạnh không chỉ về năng lực chuyên môn mà còn về chuẩn mực đạo đức cách mạng, phong cách lãnh đạo và trách nhiệm cá nhân. Sự gương mẫu của người đứng đầu sẽ tạo động lực cho cả tập thể, từ đó nâng cao nhận thức xã hội, kỷ cương, kỷ luật, thúc đẩy cải cách hành chính và hiệu quả phục vụ Nhân dân.

Cơ chế giám sát, đánh giá được yêu cầu quy định chặt chẽ hơn. Quy trình bổ nhiệm, đánh giá công bằng và minh bạch, gắn kết chặt chẽ thành tích với khen thưởng, vi phạm với chế tài. Đồng thời chú trọng luân chuyển ngang, luân chuyển lên và luân chuyển về cơ sở theo nguyên tắc "có vào, có ra", "có lên, có xuống" để cán bộ có trải nghiệm thực tiễn, rèn luyện bản lĩnh và trau dồi năng lực chuyên môn.

Như vậy, chủ trương này là tầm nhìn chiến lược nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất cách mạng, trình độ chuyên môn cao, trách nhiệm, tâm huyết phục vụ Nhân dân. Sự kết hợp hài hoà giữa đào tạo, quy hoạch, đánh giá và giám sát; đặc biệt tập trung vào người đứng đầu, sẽ tạo bước đột phá về chất

lượng lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới.

17. Chủ trương về xây dựng Đảng văn minh

Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIV xác định: "Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn, tự đổi mới để Đảng ta thật sự là đạo đức, là văn minh". Đây là nội dung mới, lần đầu tiên chủ trương xây dựng Đảng văn minh được xác định là một nhiệm vụ chiến lược, có tính hệ thống và cụ thể hoá trong Văn kiện Đại hội Đảng.

Thứ nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh". Theo Người, Đảng phải tiêu biểu cho trí tuệ, lương tâm và danh dự của dân tộc mới xứng đáng là người lãnh đạo. Xây dựng Đảng về văn minh là bước tiếp tục hiện thực hoá sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta thực sự "là đạo đức, là văn minh".

Thứ hai, xây dựng Đảng văn minh là sự kế thừa và phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc, tạo ra một mối liên kết bền chặt giữa Đảng với Nhân dân và dân tộc.

Thứ ba, xây dựng Đảng văn minh góp phần nâng cao uy tín và năng lực lãnh đạo của Đảng, giúp củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Đảng phải đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo để phù hợp với những biến đổi nhanh chóng của thời đại. Đảng văn minh sẽ đưa đất nước phát triển tiến kịp cùng thế giới.

Thứ tư, từ lý luận về xây dựng Đảng, hai yếu tố "đạo đức" và "văn minh" của Đảng không tách rời mà gắn bó hữu cơ, bổ sung cho nhau.

Thứ năm, kinh nghiệm thực tiễn, cho thấy rằng một đảng cộng sản chỉ có thể lãnh đạo cách mạng thành công khi đảng đó là một đảng văn minh, trong sạch, vững mạnh, minh bạch, dân chủ, tiên phong; có tư duy khoa học, hiện đại; có phương thức lãnh đạo dân chủ, hiệu quả; có khả năng tự đổi mới, thích ứng với những thay đổi của thời đại, được Nhân dân tin yêu, ủng hộ.

Thứ sáu, khắc phục các bất cập hiện nay trong công tác xây dựng Đảng, bên cạnh những thành tựu, trong Đảng vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém, không phù hợp với một chính đảng văn minh.

18. Tăng cường củng cố và phát huy hiệu quả sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Trên cơ sở tổng kết 40 năm đổi mới, Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIV đã rút ra bài học kinh nghiệm "Tăng cường củng cố và phát huy hiệu quả sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc". Đây là bài học kinh nghiệm quý báu mang tầm lý luận, có giá trị định hướng thực tiễn cho sự nghiệp cách mạng của đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới.

Cơ sở để tăng cường củng cố và phát huy hiệu quả sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc:

Thứ nhất, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp cách mạng. Củng cố và phát huy sức mạnh này là chìa khoá để Việt Nam vững bước trên con đường xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, chủ nghĩa yêu nước, truyền thống đoàn kết, coi trọng Nhân dân của dân tộc ta là sự kế thừa tư tưởng "dân là gốc". Nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhân dân là chủ thể của cách mạng, là sức mạnh to lớn, có khả năng sáng tạo vô tận: "Trong bầu trời không gì quý bằng Nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của Nhân dân"; "có lực lượng dân chúng thì việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra".

Thứ ba, kế thừa và phát huy các bài học kinh nghiệm trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng của Đảng và kinh nghiệm của các cuộc cách mạng trên thế giới. Đảng ta đã tập hợp, quy tụ, phát huy được sức mạnh to lớn của Nhân dân cả về lực lượng và của cải, vật chất và tinh thần, để làm nên thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 và Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Thứ tư, thành tựu vĩ đại của đất nước trong thời kỳ đổi mới. Đảng ta đã phát huy sức mạnh của Nhân dân, lấy mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" làm mục tiêu hành động; bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội,... với phương châm xuyên suốt: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

Thứ năm, xuất phát từ yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên mới. Khôi đại đoàn kết toàn dân tộc là nền tảng vững chắc để xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân gắn với xây dựng thể trận lòng dân vững chắc. Việc phát huy sức mạnh Nhân dân giúp huy động mọi nguồn lực to lớn, cả về vật chất lẫn tinh thần của Nhân dân. Sức sáng tạo, tinh thần tự lực, tự cường của mỗi người dân là yếu tố then chốt thúc đẩy công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

TỔ BIÊN TẬP